

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện các quy định của pháp luật về
phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn huyện Châu Thành

Thực hiện Quyết định thanh tra số 107/QĐ-TTr ngày 09/9/2024 của Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về việc thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Châu Thành, Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em tại UBND huyện Châu Thành, Phòng LĐTBXH huyện. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở LĐTBXH kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

- Huyện Châu Thành có diện tích tự nhiên là 15.534 ha; gồm 12 xã và 01 thị trấn, có 105 ấp và 10 khu phố, dân số 98.358 người (dân số trung bình năm 2024), mật độ dân số 872 người/km².

- Toàn huyện có 20.986 trẻ em, chiếm tỷ lệ 18,62% dân số, trong đó có: 10.904 trẻ em nam, chiếm tỷ lệ 9,67% và 10.082 trẻ em nữ, chiếm tỷ lệ 8,94%. Hiện có 174 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó: 169 trẻ em khuyết tật (36 trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng; 133 trẻ em khuyết tật nặng; 05 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ). Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt 533 trẻ em trong đó: 350 trẻ em trong các gia đình nghèo, cận nghèo; 84 trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha, mẹ ly hôn, bạo lực, người có nhiễm HIV/AIDS); 59 trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Huyện đã ban hành 09 văn bản; phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện ban hành 04 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em (chi tiết theo phụ lục số 01 kèm theo).

2. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án

- UBND huyện đã triển khai Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025 (Kế hoạch số 1149/KH-UBND ngày 25/05/2023 của UBND huyện).

- Đã triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 (Kế hoạch số 1066/KH-UBND ngày 19/4/2024)

- Đã triển khai Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em 2021-2030 (Kế hoạch số 3718/KH-UBND ngày 28/10/2021)

- Đã triển khai Chương trình ngăn ngừa và giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch số 2755/KH-UBND ngày 04/10/2022)

II. Công tác đảm bảo thực hiện quyền trẻ em và phòng ngừa xâm hại trẻ em

1. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng

- Hình thức tuyên truyền: Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các ngành, chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về trẻ em; đẩy mạnh tuyên truyền đạo đức, lối sống; phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; đã tổ chức 74 cuộc nói chuyện chuyên đề với khoảng hơn 6.700 lượt người tham dự. Tổ chức 2.602 cuộc tuyên truyền lưu động đến người dân; 14.894 lượt học sinh được hướng dẫn, giáo dục kiến thức, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ trước hành vi bạo lực, xâm hại tình dục; phát 1.060 tin tuyên truyền thông qua hệ thống đài phát thanh huyện, xã, thị trấn; tổ chức, tham gia các lớp tập huấn về phương pháp dạy bơi, phòng, chống tai nạn đuối nước; tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ mình không bị bóc lột, bạo lực, xâm hại với sự tham dự của 400 học sinh.

- Nội dung tuyên truyền: Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; phòng, chống tai nạn đuối nước cho học sinh; những kiến thức, kỹ năng phòng, chống xâm hại bạo lực trẻ em; phòng ngừa bạo lực học đường; hướng dẫn, giáo dục kiến thức, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ trước hành vi bạo lực, xâm hại tình dục, kỹ năng chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

2. Việc bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em

- Cấp huyện: UBND huyện đã bố trí 03 cán bộ làm công tác trẻ em: 01 Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách văn hoá - xã hội; 01 Trưởng phòng LĐTBXH và 01 chuyên viên phòng LĐTBXH.

- Cấp xã, thị trấn: Mỗi xã, thị trấn có 01 lãnh đạo UBND xã và 01 Công chức Văn hóa - Xã hội thực hiện Lao động - Người có công và Xã hội. Huyện hiện có 193 cộng tác viên dân số gia đình và trẻ em có nhiệm vụ tham gia tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em đến hộ gia đình và cộng đồng.

3. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

- Đã tham gia 02 lớp tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật với hơn 104 cán bộ, cộng tác viên tham dự và tham gia 01 lớp tập huấn trực tuyến cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng có 14 cán bộ tham dự.

- Huyện không tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn riêng cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em.

4. Trách nhiệm của UBND cấp huyện trong việc đảm bảo quyền của trẻ em

4.1. Trách nhiệm trong việc đảm bảo quyền được khai sinh, có quốc tịch: việc đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề về quốc tịch của trẻ em, xác định cha, mẹ cho trẻ em:

- Đã đăng ký khai sinh cho 2.945 trẻ em, đạt tỷ lệ 100%, trong đó;

+ Năm 2022: 1.220 trẻ em;

+ Năm 2023: 1.057 trẻ em;

+ Đến tháng 9/2024: 668 trẻ em;

- Đã xác định quốc tịch cho 2.945 trẻ em, đạt tỷ lệ 100%.

- Huyện không có trường hợp trẻ em nào khai sinh quá thời hạn trong thời kỳ thanh tra.

4.2. Trách nhiệm trong việc đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng và công bằng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Trong thời kỳ thanh tra có 26.126 trẻ em được tham gia BHYT số tiền là 21.657.303.450 đồng; Số trẻ em được hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện: 3.588 lượt trẻ em, với số tiền: 752.486.110 đồng.

+ Năm 2022: Có 9.969 trẻ, số tiền 7.375.110.750 đồng/tháng; Số trẻ em được hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện: 1.311 lượt trẻ em, với số tiền: 259.952.718 đồng.

+ Năm 2023: Có 8.268 trẻ, số tiền: 7.707.372.750 đồng/năm; Số trẻ em được hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện: 1.231 lượt, số tiền: 269.555.019 đồng.

+ Đến tháng 09/2024: Có 7.889 trẻ, số tiền: 6.574.819.950 đồng/tháng; Số trẻ em được hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện: 1.046 lượt, số tiền: 222.978.373 đồng.

4.3. Trách nhiệm trong bảo đảm việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác; bảo đảm trẻ em được hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập và tạo điều kiện học ở trình độ cao hơn

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục trên địa bàn huyện đạt phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

- Có 106/16.664 học sinh, chiếm tỷ lệ 0,63% trẻ em bỏ học là học sinh trung học cơ sở (năm 2021: bỏ học 29/5.507 em chiếm tỷ lệ 0,53%; năm 2022: bỏ học 37/5.415 em chiếm tỷ lệ 0,68%; năm 2023: bỏ học 40/5.742 em chiếm tỷ lệ 0,7%.

Nguyên nhân chủ yếu: đa số các em sống trong các gia đình có cha mẹ ít quan tâm đến việc học của các em vì lo kinh tế gia đình, theo gia đình đi làm ăn xa.

- Đã thực hiện miễn giảm học phí cho 424 trẻ em với tổng số tiền là 120.192.000 đồng; 62 trẻ em được hỗ trợ tiền ăn tổng số tiền là 74.880.000 đồng; 221 trẻ em được hỗ trợ chi phí học tập tổng số tiền là 252.400.000 đồng. Cụ thể:

+ Năm 2022: Miễn giảm học phí cho 150 trẻ em, với số tiền hỗ trợ 21.664.000 đồng, hỗ trợ tiền ăn 24 trẻ em với số tiền 30.880.000 đồng, chi phí học tập 90 trẻ em với số tiền 107.800.000 đồng.

+ Năm 2023: Miễn giảm học phí cho 176 trẻ em, với số tiền hỗ trợ 85.263.000 đồng, hỗ trợ tiền ăn 22 trẻ em với số tiền 31.200.000 đồng, chi phí học tập 76 với số tiền 103.350.000 đồng.

+ Năm 2024: Miễn giảm học phí cho 98 trẻ em, với số tiền hỗ trợ 13.265.000 đồng, hỗ trợ tiền ăn 16 trẻ em với số tiền 12.800.000 đồng, chi phí học tập 55 trẻ em với số tiền 41.250.000 đồng.

4.4. Trách nhiệm trong bảo đảm trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch

Huyện có 01 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh; 13/13 xã, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng. Có 02 sân vận động cấp huyện; có 02 Nhà thi đấu cấp huyện; có 86 Nhà văn hóa ấp, khu phố, 03 sân bóng đá mini, 04 hồ bơi, 4 câu lạc bộ thể hình, các khu tập thể dục, thể thao ngoài trời, Quảng trường huyện và một số Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã có lắp đặt các dụng cụ tập thể dục, thể thao để người dân tập luyện và đi bộ. Tại các trường phổ thông có sân tập thể dục, sân cầu lông, một số trường có sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, hồ bơi.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Trong thời kỳ thanh tra, huyện Châu Thành không phát sinh công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thanh tra có thẩm quyền về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em; không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực trẻ em.

- Chưa tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em.

III. Việc hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1. Công tác quản lý, tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Huyện có 174 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó: 36 trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng; 133 trẻ em khuyết tật nặng; 05 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; riêng năm 2022 có 01 trẻ em bị xâm hại.

- Đã chỉ đạo các xã, thị trấn thống kê số trẻ có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, nhưng chưa xây dựng kế hoạch hỗ trợ can thiệp đối với trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi theo quy định.

- Việc sử dụng lao động chưa thành niên tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình trên địa bàn huyện Châu Thành chưa phát hiện.

2. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ

2.1. Việc tư vấn, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị xâm hại; trẻ em bị xâm hại được tư vấn, trị liệu tâm lý

- Trong thời kì thanh tra trên địa bàn huyện Châu Thành có 01 trường hợp trẻ em bị xâm hại tình dục và 533 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trong đó: 350 trẻ em trong các gia đình nghèo, cận nghèo; 84 trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha, mẹ ly hôn, bạo lực, người có nhiễm HIV/AIDS); 59 trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ; 40 trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)

- Đã chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp UBND xã, thị trấn tư vấn, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho 01 trẻ em bị xâm hại tình dục. Kiểm tra hồ sơ hỗ trợ, can thiệp đối với 01 trẻ em bị xâm hại tình dục không có hồ sơ, tài liệu chứng minh đã hỗ trợ chăm sóc y tế, tư vấn trị liệu tâm lý.

2.2. Chính sách trợ giúp xã hội và chăm sóc thay thế

- Trong kỳ thanh tra UBND huyện đã ban hành 174 Quyết định trẻ em được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (36 trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng; 133 trẻ em khuyết tật nặng; 05 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ). Kết quả kiểm tra 174 hồ sơ do UBND huyện ban hành quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng, kết quả: xác định thời điểm hưởng đúng theo quy định.

- Huyện thực hiện chính sách trợ giúp xã hội kinh phí từ năm 2022-2024:

+ Trong kỳ thanh tra có 174 trẻ em được trợ cấp thường xuyên tổng số tiền 130.860.000 đồng/tháng.

+ Có 36 hộ gia đình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ thường xuyên 360.000 đồng/tháng/trẻ với tổng số tiền 12.960.000 đồng/tháng.

+ Tại huyện không có cơ sở trợ giúp xã hội nhận chăm sóc, thay thế trẻ em; không có cá nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ khẩn cấp.

+ Đã hỗ trợ đột xuất cho 50 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

- Kiểm tra thực tế 174/174 hồ sơ và danh sách chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, kết quả: trình tự, thủ tục xét duyệt hồ sơ đúng thời điểm hưởng; đã thực hiện điều chỉnh kịp thời đối tượng từ người khuyết tật là trẻ em sang đối tượng là người khuyết tật.

- Đoàn thanh tra làm việc trực tiếp với 13 cán bộ, công chức làm công tác Lao động -Thương binh và Xã hội xã, thị trấn gồm 174 hồ sơ thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng. Kết quả: 174 hồ sơ tương đối đầy đủ, tuy nhiên một số hồ sơ chưa lưu đầy đủ các quyết định điều chỉnh; quyết định thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.

2.3. Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo

- Có 55 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (22 trẻ năm 2022, 23 trẻ năm 2023 và 10 trẻ năm 2024) tổng số tiền 87.000.000 đồng, không có trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ.

- Trong kì thanh tra đã thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo miễn giảm học phí; chi phí học tập; hỗ trợ tiền ăn trưa đối với 100 trẻ em khuyết tật (42 trẻ năm 2022, 43 trẻ năm 2023 và 15 trẻ năm 2024) tổng số tiền 159.000.000 đồng (*chi tiết phụ lục 02 kèm theo*).

3. Kinh phí hoạt động

Trong kì thanh tra nguồn kinh phí địa phương và nguồn kinh phí xã hội hóa phân bổ để thực hiện công tác trẻ em số tiền 7.637.180.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách địa phương: 5.145.640.000 đồng.

- Nguồn kinh phí vận động: 2.491.540.000 đồng.

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA.

I. Những quy định của pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em đã được thực hiện

1. Đã ban hành 13 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quyền trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em.

2. Đã triển khai Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em 2021-2030; Chương trình ngăn ngừa và giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Đã tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật về trẻ em; truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng và vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em và phòng, xâm hại trẻ em.

4. Đã bố trí 198 cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên làm công tác trẻ em.

5. Đã tham gia các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác trẻ em, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em.

6. Trong thời kì thanh tra có 2.945 trẻ em được khai sinh, tất cả trẻ em được khai sinh đều xác định quốc tịch và cha mẹ.

7. Đã bố trí được điểm vui chơi (nhà Văn hóa, công viên) dành cho trẻ em tại 13 xã, thị trấn.

8. Trong thời kì thanh tra huyện Châu Thành không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

9. Đã bố trí kinh phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em khuyết tật được tham gia BHYT.

II. Những quy định của pháp luật về quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ:

1. Chưa tham mưu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của trẻ em và các vấn đề trẻ em quan tâm theo quy định.

2. Chưa thực hiện đầy đủ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em; các xã, thị trấn chưa tiến hành tự kiểm tra tại xã việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

3. Chưa xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi theo quy định.

4. Chưa lưu đầy đủ hồ sơ thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng theo quy định.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không phát sinh.

E. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Tham mưu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của trẻ em và các vấn đề trẻ em quan tâm theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Trẻ em năm 2016.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên đề về phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

3. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại chương IV Luật trẻ em năm 2016; tại Mục 3 Chương III Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2020/TT-BLĐTBXXH ngày 28/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

4. Hồ sơ thủ tục về thực hiện trợ cấp, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

F. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND huyện Châu Thành công khai kết luận thanh tra theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục II phần C Kết luận thanh tra này về Thanh tra Sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ số 76 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Châu Thành (để t/h);
- Thanh tra tỉnh (để b/c);
- Giám đốc, PGĐ Sở (để b/c);
- Phòng LĐTBXH huyện Châu Thành (để t/h);
- Trang TTĐT Sở LĐTBXH;
- Lưu TTra, hồ sơ TTra.



CHÁNH THANH TRA

Huỳnh Thị Tuyết Loan



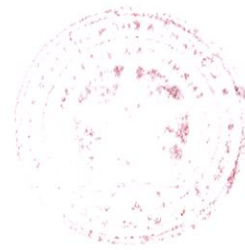
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TRẺ EM VÀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM

1. UBND huyện Châu Thành ban hành 36 văn bản:

- Kế hoạch số 1066/KH-UBND ngày 19/4/2024 Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện.
- Kế hoạch số 3718/KH-UBND ngày 28/10/2021 Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành.
- Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 25/02/2022 Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính năm 2022.
- Kế hoạch số 2755/KH-UBND ngày 04/10/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành
- Kế hoạch số 469/KH-UBND ngày 02/3/2023 Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính năm 2023
- Kế hoạch số 574/KH-UBND ngày 08/3/2024 Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật được trợ giúp pháp lý năm 2024
- Kế hoạch số 1149/KH-UBND ngày 25/05/2023 Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn huyện giai đoạn 2020 -2025
- Công văn số 2972/UBND-VX ngày 24/10/2023 về việc thực hiện tự kiểm tra và báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Kế hoạch số 630/KH-UBND ngày 15/3/2024 Kế hoạch thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2024 – 2030.

2. Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành 10 văn bản

- Công văn số 633/LĐTBXH ngày 10/8/2022 hướng dẫn sử dụng bộ sản phẩm truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Công văn số 273/LĐTBXH ngày 04/5/2023 về việc rà soát người cao tuổi không có con ruột, con nuôi và trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại bỏ đi không quay lại địa phương.
- Công văn số 119/LĐTBXH ngày 27/2/2023 về việc tổng hợp danh sách trẻ em có nhu cầu cần hỗ trợ năm 2023.
- Công văn số 164/LĐTBXH ngày 01/3/2024 về việc tổng hợp danh sách trẻ em có nhu cầu cần hỗ trợ năm 2024.



Phụ lục số 02



THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TRẺ EM
(Kèm theo Kết luận số 209 /KL-TTr ngày 25 / 11 /2024 của Thanh tra Sở LĐTBXH)

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Số người	Số tiền(Đồng)	Số người	Số tiền(Đồng)	Số người	Số tiền(Đồng)
1	Chính sách chăm sóc sức khỏe	1.221	7.539.881.700	1.057	7.134.191.250	1.057	7.134.191.250
1.1	Trẻ em bị xâm hại được giám định sức khỏe	01	1.500.000	0	0	0	0
1.2	Tham gia bảo hiểm y tế cho trẻ em	9.369	7.538.381.700	7.339	7.134.191.250	7.939	5.711.715.450
2	Chính sách trợ giúp xã hội						
2.1.	Số trẻ em được hỗ trợ khẩn cấp	0	0	0	0	0	0
2.2	Số trẻ em được trợ cấp thường xuyên	165	1.537.920.000	178	1.594.080.000	174	379.440.000
2.3	Số cả nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trẻ em được trợ cấp khẩn cấp	0	0	0	0	0	0
2.4	Số cả nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trẻ em được trợ cấp thường xuyên	0	0	0	0	0	0
2.5	Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc thay thế được cấp kinh phí	0	0	0	0	0	0
3	Chính sách trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý	01	0	0	0	0	0
3.1	Trẻ em bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý/tư vấn, trị liệu tâm lý	01	0	0	0	0	0
3.2	Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được hỗ trợ pháp lý/tư vấn tâm lý	0	0	0	0	0	0
4	Trợ giúp giáo dục – đào tạo	42	69.000.000	43	72.000.000	15	18.000.000
4.1	Số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ	42	69.000.000	43	72.000.000	15	18.000.000



KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM VÀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM
(Kèm theo Kết luận số 09 /KL-TT ngày 25 / 11 /2024 của Thanh tra Sở LĐTBXH)



Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Đánh mục nguồn kinh phí	Kinh phí bổ trí			Kinh phí đã sử dụng		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên	2.324.445	2.751.616	2.966.863	2.324.445	2.751.616	2.966.863
1	Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương	330.000	0	0	330.000	0	
2	Ngân sách địa phương	1.538.000	1.695.680	1.911.960	1.538.000	1.695.680	1.911.960
3	Quỹ Bảo trợ trẻ em (các nguồn lực hỗ trợ trẻ em huyện)	349.000	299.000	269.330	349.000	299.000	269.330
4	Nguồn khác	425.000	348.000	801.210	425.000	348.000	801.210
II	Nội dung kinh phí	1.588.970	1.666.730	1.857.850	1.588.970	1.666.730	1.857.850
1	Kinh phí trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội liên quan đến trẻ em	1.537.920	1.615.680	1.836.960	1.537.920	1.615.680	1.836.960
2	Kinh phí tuyên truyền	1.050	1.050	1.050	1.050	1.050	1.050
3	Kinh phí tập huấn về BVCSSTE có HCDB	0	0		0	0	
4	Kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em	50.000	50.000	19.840	50.000	50.000	19.840
5	Kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội	0	0		0	0	
6	Kinh phí hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản và các chi khác về BVCSSTE có HCDB	0	0		0	0	

